

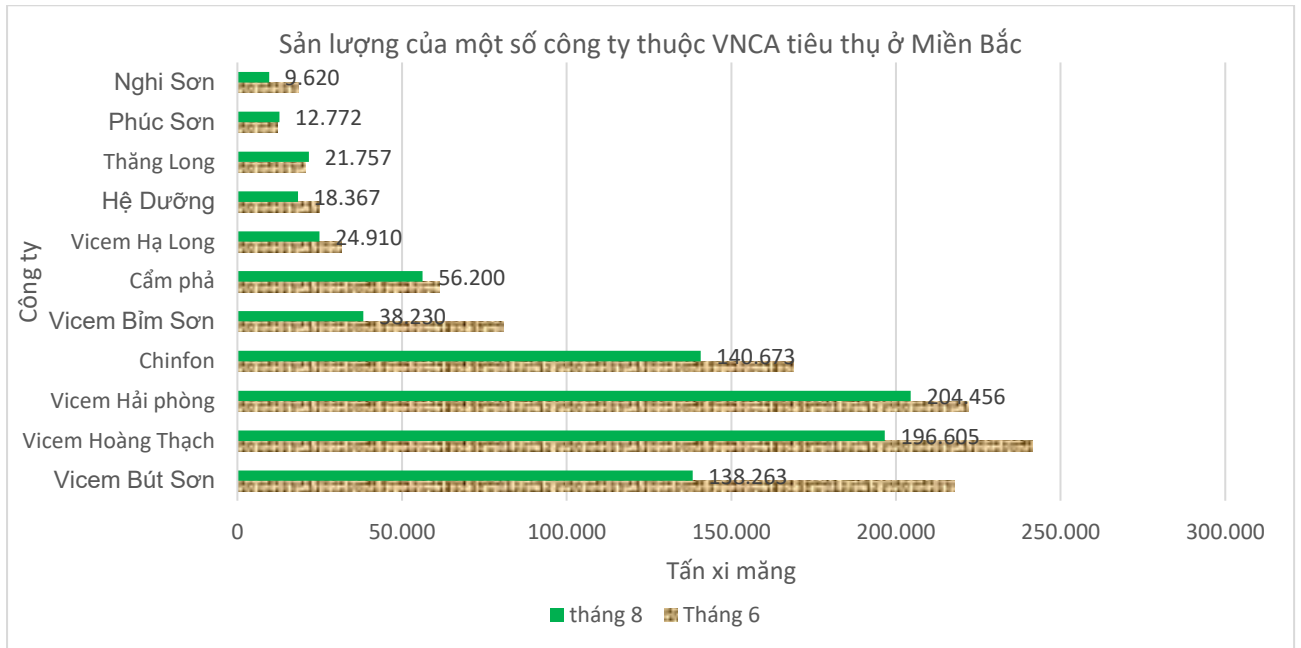
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 8/2021

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

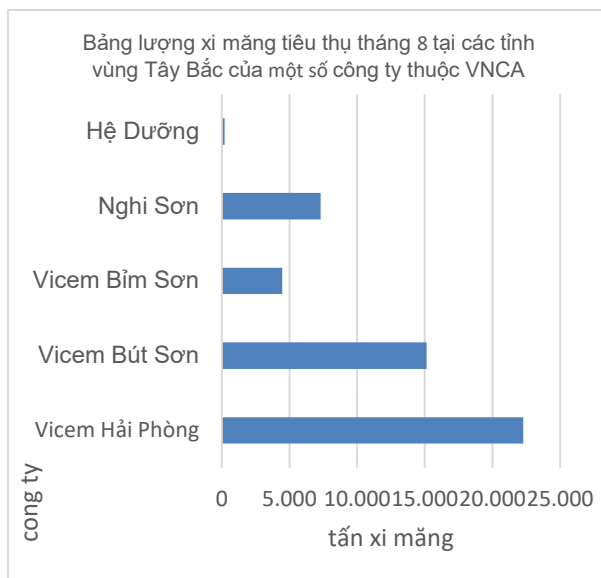
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 8/2021 là: 1.691.789 tấn (tháng 7 là 2.269.204 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

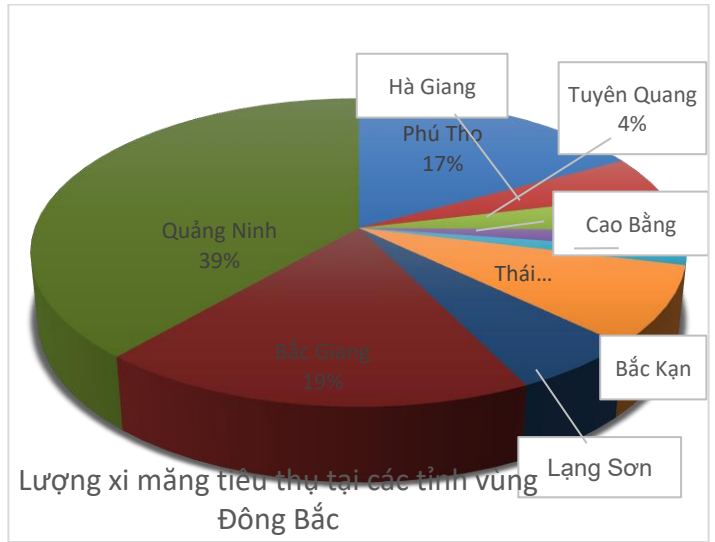
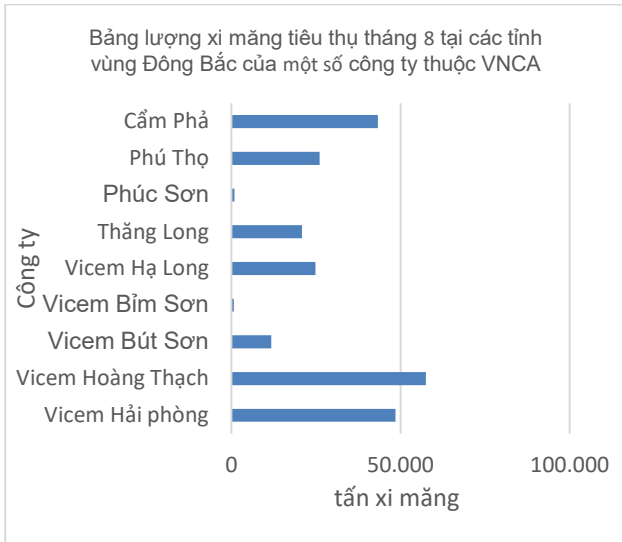


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 8/2021 như sau:

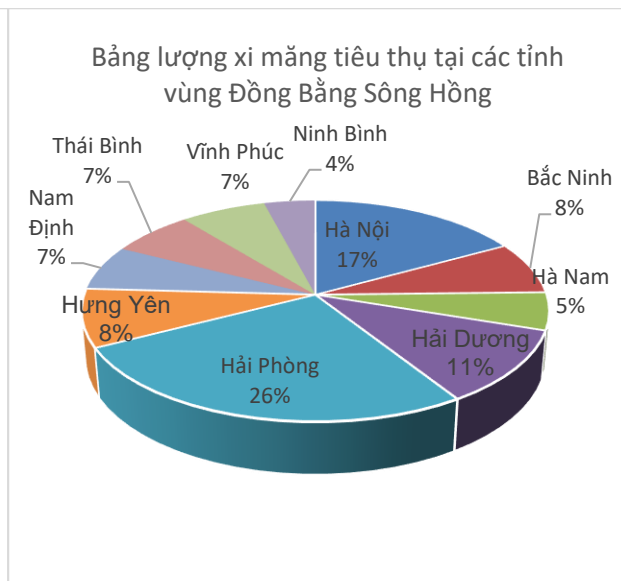
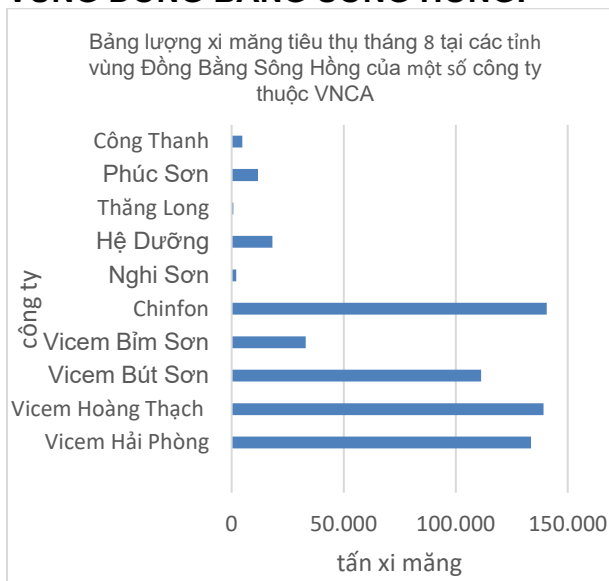
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.240
- XM Quang Sơn: 1.270
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.400
- XM Phúc Sơn: 1.290
- XM Chinfon: 1.420
- XM Lam Thạch: 1.200
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.360
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.300

5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.430
- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380
- XM Phúc Sơn: 1.350
- XM Nghi Sơn PCB40: 1.450
- XM Chinfon: 1.480

6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380
- XM Phúc Sơn: 1.330
- XM Thăng Long PCB 40 1.380
- XM Hoàng Mai: 1.450

7. Tại Hải Dương: - XM Chinfon: 1.450 - Hoàng Thạch: 1.420

- XM Cẩm phả PCB 40	1.300	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

8. Tại Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.380	- XM Bút Sơn:	1.380
-XM Phúc Sơn:	1.260		

9. Tại Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330
- XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
- XM Hoàng Mai 1.280
- XM Tam Điệp: 1.250

10. Tại Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

11. Tại Nam Định: -XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.300

- XM Bỉm Sơn: 1.420
- XM Bút Sơn: 1.400
- XM Chin Fon: 1.450

12. Tại Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400
- XM Chin Fon: 1.410
- XM Thăng Long: 1.390
- XM Bút Sơn: 1.400
- XM Cẩm phả: 1.300

13. Tại Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.375
- XM Hoàng Thạch: 1.590
- XM Phúc Sơn: 1.450
- XM Bỉm Sơn: 1590
- XM Tam Điệp: 1550
- XM Bút Sơn: 1560
- XM Thăng Long PCB 40: 1.490
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.570
- XM Cẩm Phả: 1.500

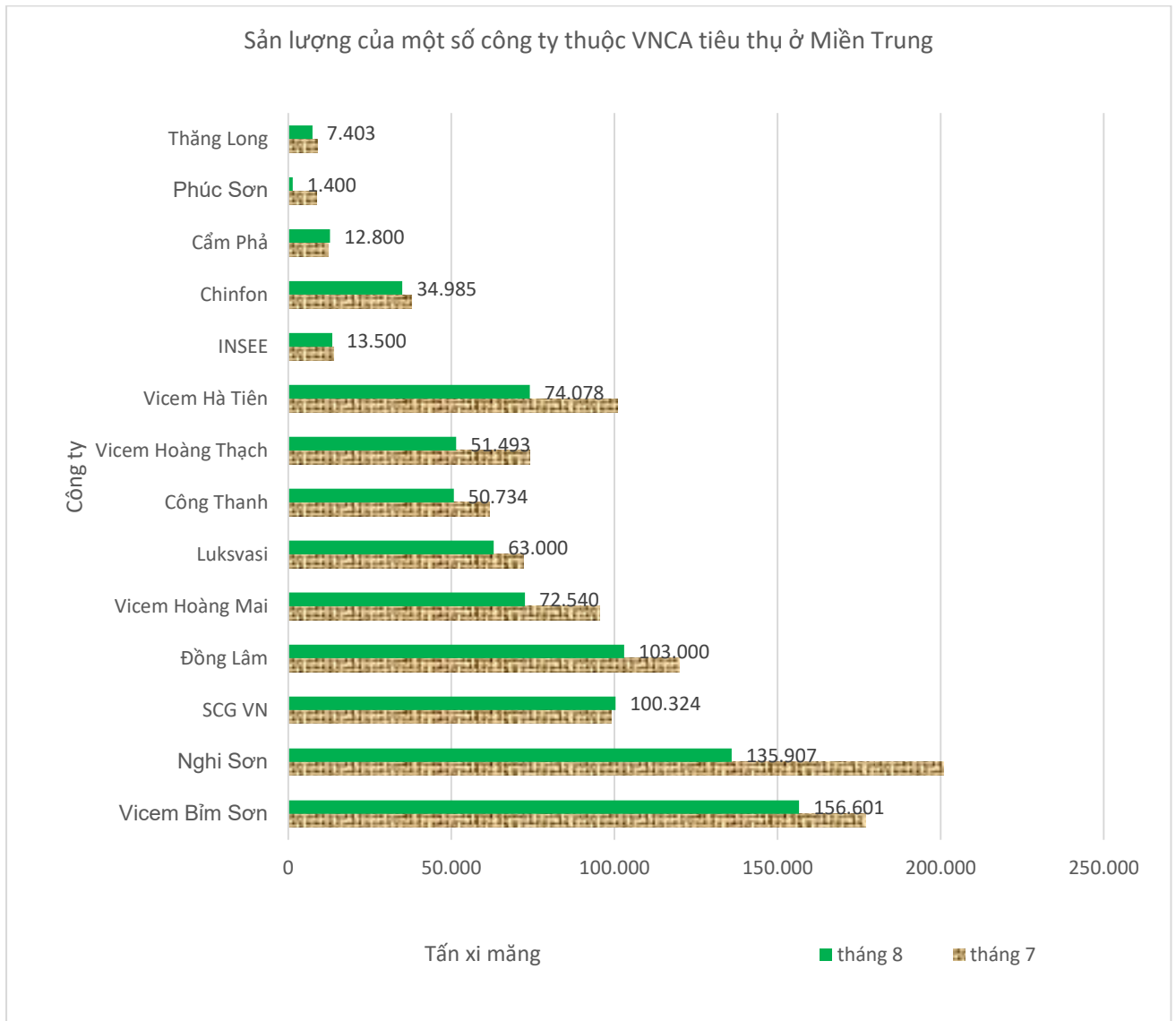
15. Tại Hải phòng: - XM ChinFon: 1.490 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440
- XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

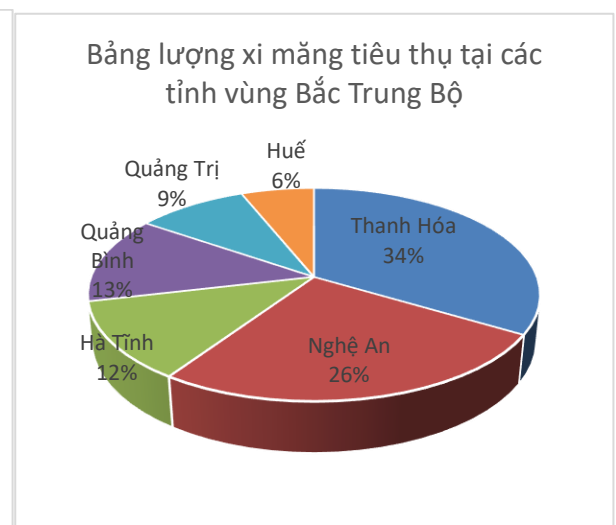
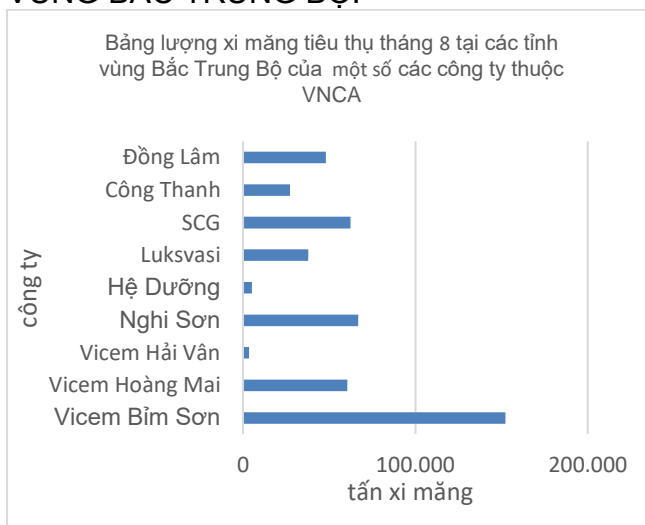
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 8/2021: 1.225.757 tấn (tháng 7 là 1.646.247 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

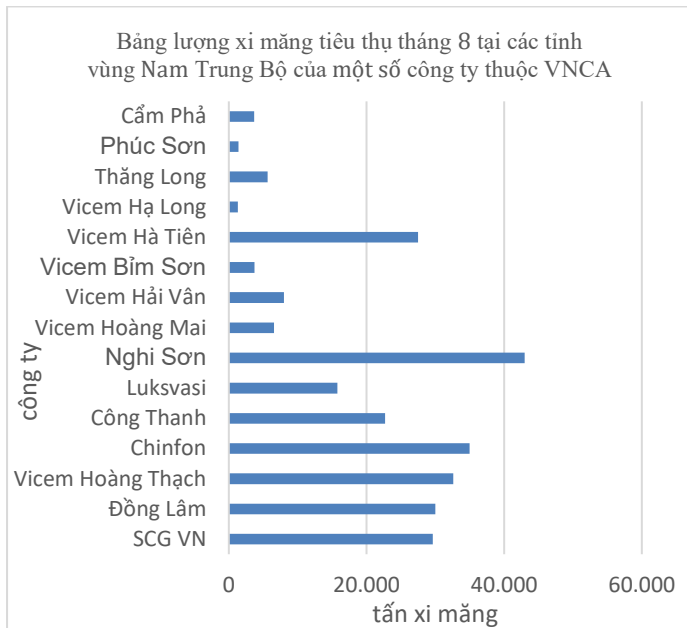


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 8/2021 như sau:

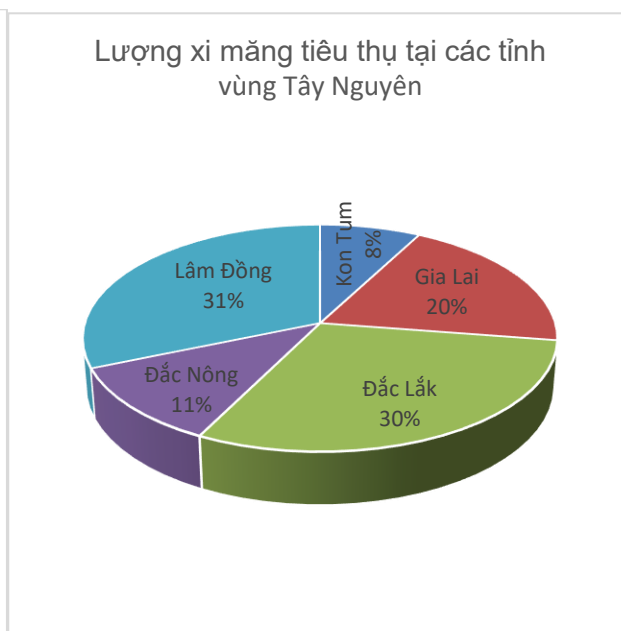
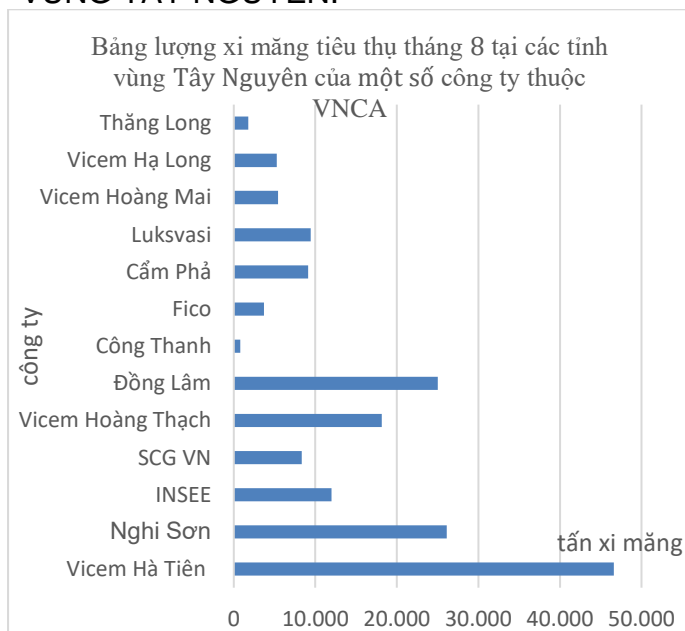
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ



VÙNG TÂY NGUYÊN:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035
- XM Bim Sơn: 1.350
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100
- XM Quảng Trị: 980
- XM Sông Gianh: 1.360
- XM Luks VN PCB 40: 1.300
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:** - XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480 - XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580 XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530
- XM Phúc Sơn: 1.480 - XM luks VN PCB 40:1.520 - ChinFon: 1.440

*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.890

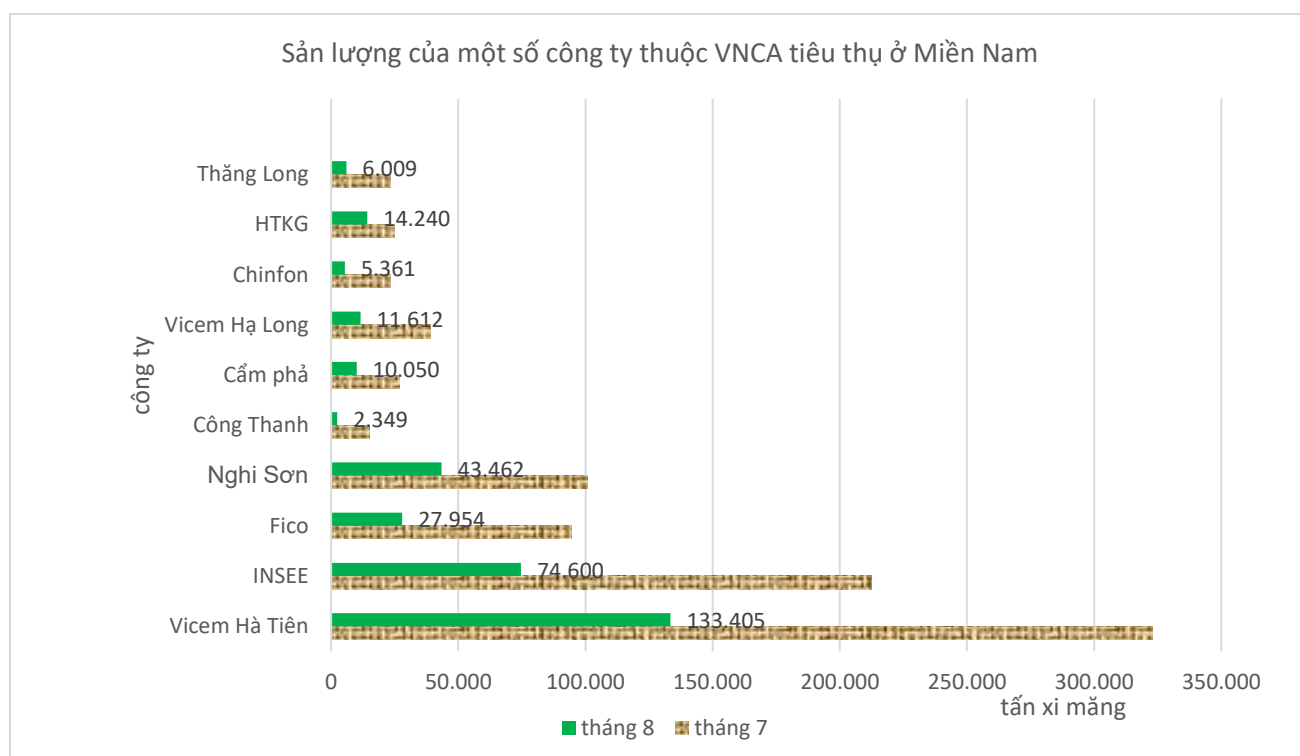
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

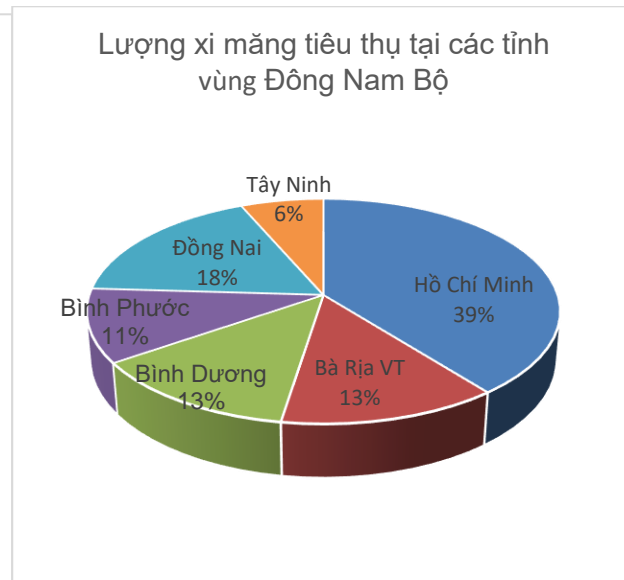
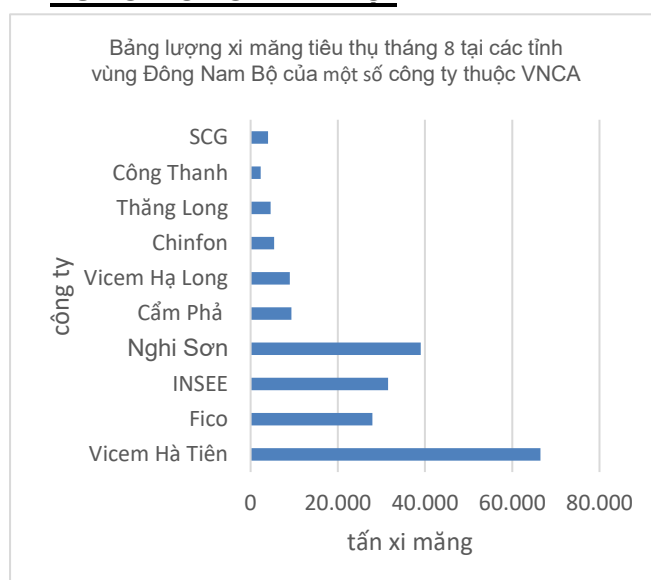
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 585.940 tấn (tháng 7 là 1.049.393 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

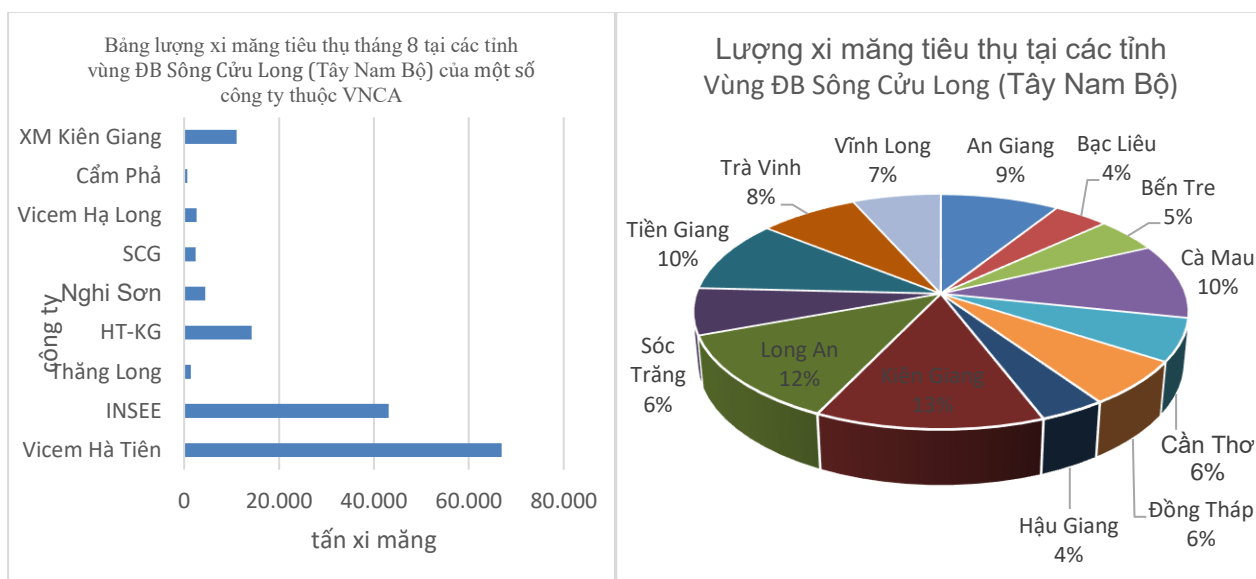


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 8/2021 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.800 ; XM Starcem: 1.700
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690 - XM FICO: 1.600
- XM ChinFon :1.580 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680 - XM Công Thanh: 1.600 (giá đến người tiêu dùng)

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394; PCB 50 xá: 1.353 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.520
- INSEE: 1.800

- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.580
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.150 PCB 40: 1.250
 XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.250

Nhận xét chung thị trường nội địa:

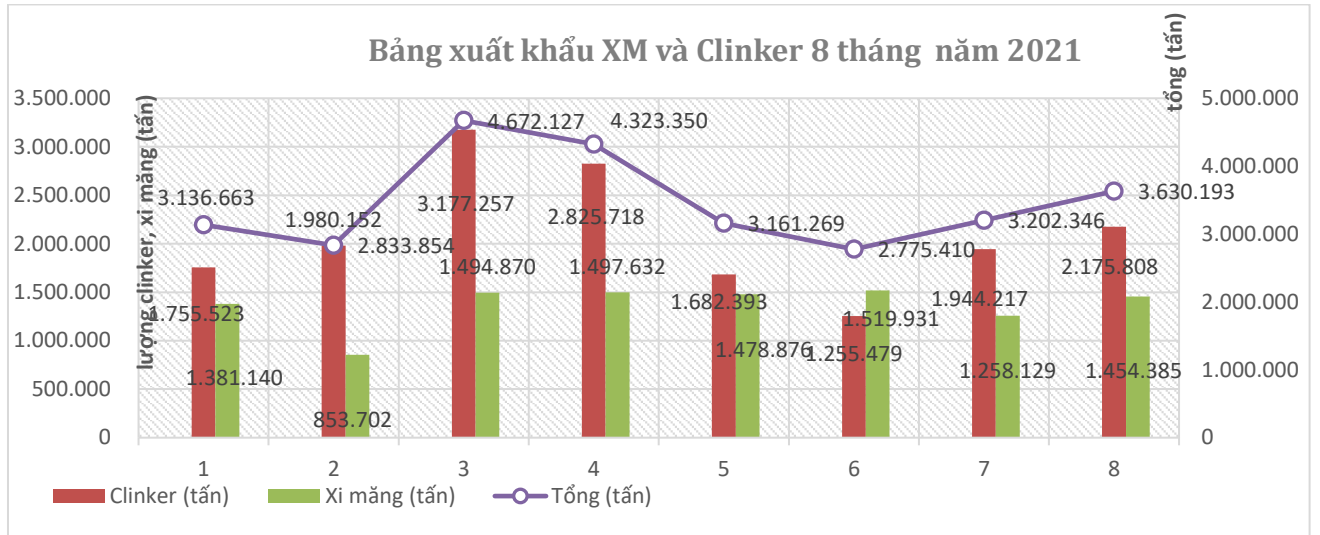
Về tiêu thụ xi măng: tiêu thụ giảm do các tỉnh thành khu vực phía Nam và Hà Nội thực hiện giãn cách theo chỉ thị 16 về phòng chống dịch COVID 19 của Thủ tướng Chính phủ.

Về giá bán xi măng: giá bán xi măng nội địa ổn định như giá tháng 7.

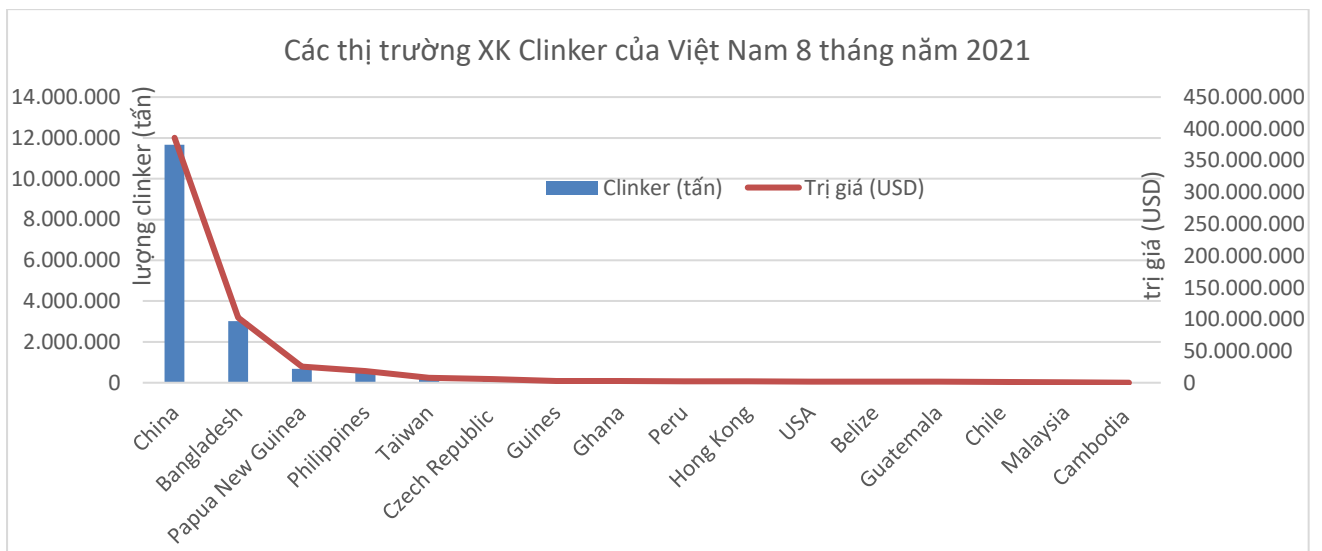
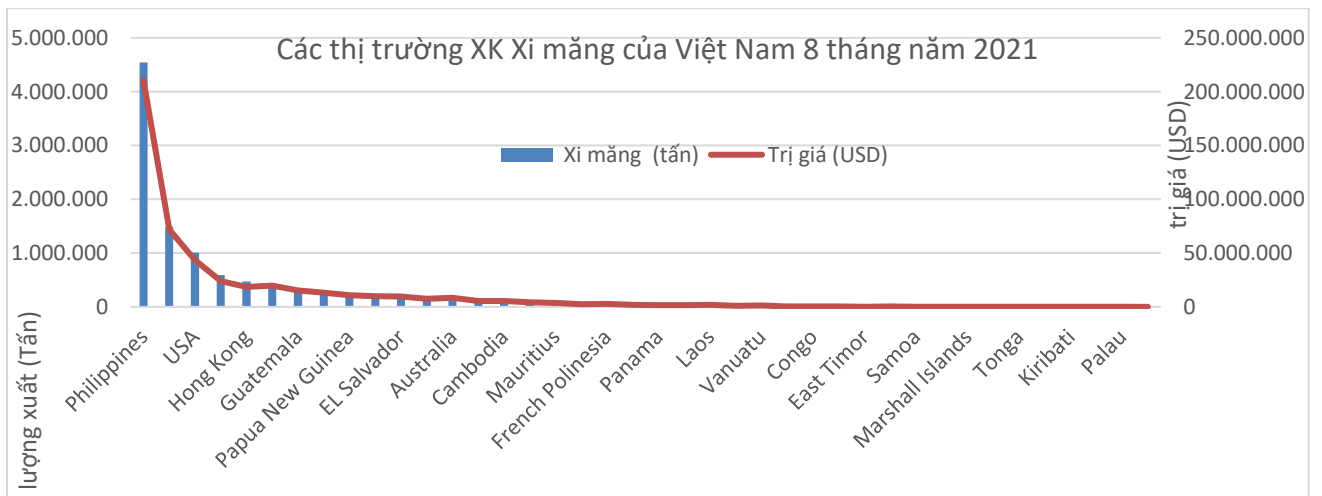
Tồn kho cuối tháng 8: Xi măng: 0,9 triệu tấn; clinker: 2,7 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK):

1. Lượng XK xi măng và clinker 8 tháng 2021 như sau:



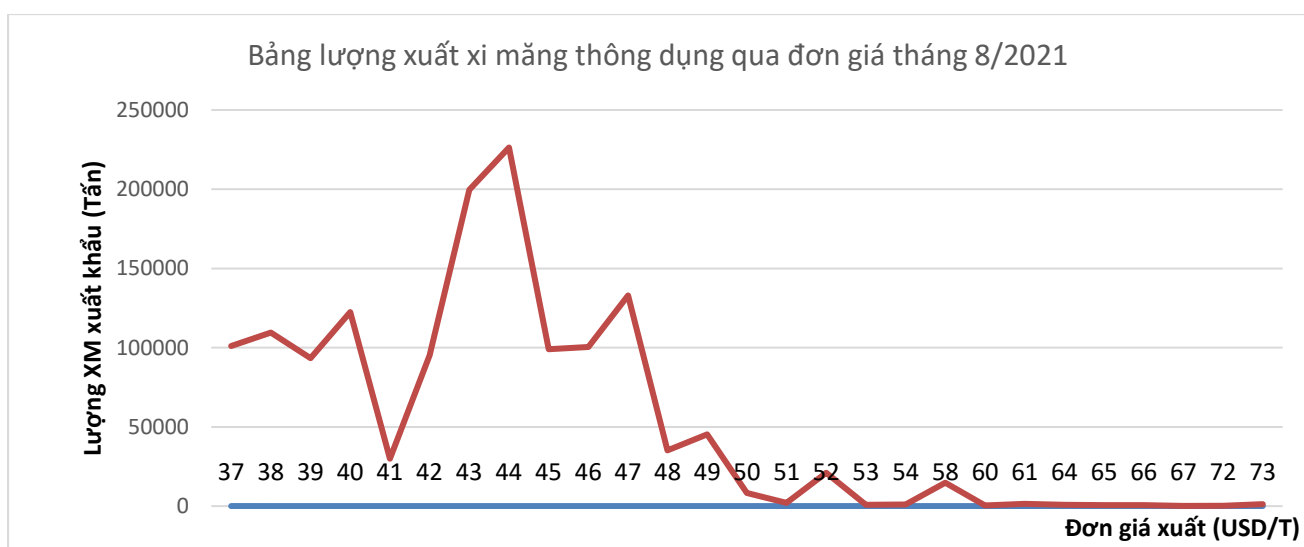
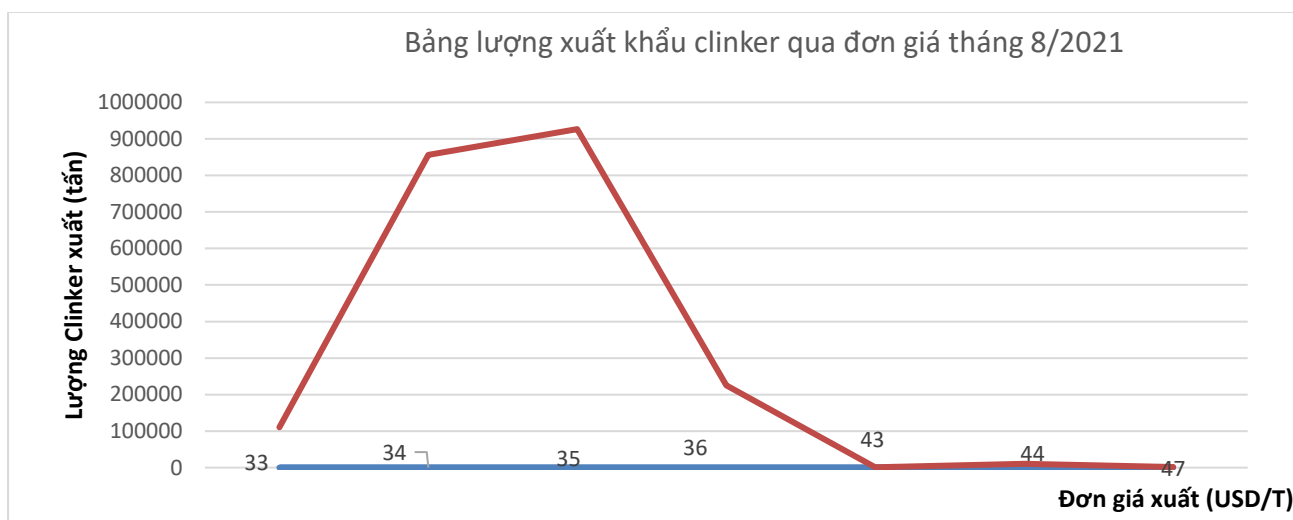
1. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 8 tháng năm 2021:



2. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 8 chia theo các khối:



3. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 8/2021 như sau:



C- SX THÁNG 8/2021, KẾ HOẠCH THÁNG 9 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2021:

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 8/2021	Lũy kế SX xi măng 2021	Kế hoạch TTND T9/2021	Lũy kế TTND năm 2021
A	Khối VICEM	1.363.623	15.936.739	1.396.500	13.331.425
1	Vicem Hải Phòng	128.837	1.119.814	221.000	1.658.305
2	Vicem Bỉm Sơn	198.646	2.145.095	203.500	1.955.725
3	Vicem Hoàng Thạch	262.498	2.423.659	290.000	2.391.717
4	Vicem Bút Sơn	174.255	2.039.048	200.000	1.819.668
5	Vicem Hà Tiên	198.655	3.901.536	343.500	4.000.964
6	Vicem Hải Vân	38.172	358.587	10.000	54.741
7	Vicem Hoàng Mai	131.847	1.012.669	70.000	696.253
8	Vicem Tam Điệp	50.097	846.537		27
9	Vicem Hạ Long	77.242	1.329.775	58.000	744.288
10	Vicem Sông Thao	103.374	760.019	500	5.575
B	Khối LD	1.004.618	11.524.154	1.213.016	9.776.780
1	XM Nghi Sơn	249.361	3.154.411	382.600	2.688.916
2	XM Chinfon	205.311	1.913.969	177.000	1.869.331
3	Siam City Cement	110.000	2.710.000	300.000	2.474.596
4	XM Luks(Vietnam)	90.000	820.000	70.000	608.000
5	XM Thăng Long	110.000	870.000	50.000	517.490
6	XM Hệ Dưỡng	29.946	280.774	41.090	266.559
7	SCG VN	170.000	1.445.000	160.000	1.165.201
8	XM Phúc Sơn	40.000	330.000	32.326	186.687
C	Khối các Cty xm khác	3.060.000	27.258.481	1.900.000	18.970.000
	Toàn XH: (A+B+C)	5.428.241	54.719.374	4.509.516	42.078.205

Đánh giá:

- TTND tháng 8/2021: 3.503.485 tấn bằng 67% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 69% so với tháng 7/2021. Tổng tiêu thụ nội địa 8 tháng năm 2021 là 42.078.205 tấn tăng 1% cùng kỳ năm 2020.
- Xuất khẩu tháng 8/2021: 3.630.193 tấn (trong đó xi măng 1.454.385 tấn và clinker là 2.175.808 tấn) bằng 86% so với cùng kỳ 2020, bằng 113% so với tháng 7/2021. Tổng xuất khẩu 8 tháng năm 2021 đạt 27.735.212 tấn (trong đó xi măng là 10.938.665 tấn và clinker là 16.796547 tấn) bằng 120% so với cùng kỳ năm 2020.
- TTND và xuất khẩu tháng 8/2021: 7.133.678 tấn bằng 76% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 86% so với tháng 7/2021.
- TTND và XK 8 tháng năm 2021 đạt 69.813.417 tấn bằng 108% so với cùng kỳ năm 2020.